

**CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VẬT TƯ Y TẾ HAFACO**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ VẬT TƯ Y TẾ HAFACO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HAFACO MEDICAL MATERIALS TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HAFACO MEDICAL MATERIALS CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108160344

**3. Ngày thành lập:** 06/02/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 63 phố Gia Quất, tổ 1, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thực phẩm chức năng                                                                                                                                            | 1079        |
| 2.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                      | 4542        |
| 3.  | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                   | 4741        |
| 4.  | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                 | 1812        |
| 5.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                   | 7710        |
| 6.  | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                      | 4931        |
| 7.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;                                                                                                                                 | 4932        |
| 8.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);                                                                                                                                    | 4511        |
| 9.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                           | 4933        |
| 10. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa;<br>- Sản xuất vật tư tiêu hao ngành y tế;<br>- Sản xuất dụng cụ chỉnh hình, phục hồi chức năng; | 3250(Chính) |
| 11. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                               | 3312        |
| 12. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                  | 3320        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động môi giới thương mại;<br>- Hoạt động môi giới bản quyền;<br>- Tư vấn về môi trường;<br>- Dịch vụ trang thiết bị y tế: Dịch vụ tư vấn về kỹ thuật trang thiết bị y tế; Kiểm định, hiệu chuẩn trang thiết bị y tế;<br>- Tư vấn về công nghệ khác;                                                                                                    | 7490 |
| 14. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thuốc, dược phẩm, dụng cụ y tế; vật tư tiêu hao ngành y tế,                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4772 |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4690 |
| 16. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4512 |
| 17. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4520 |
| 18. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4530 |
| 19. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4723 |
| 20. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4751 |
| 21. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4763 |
| 22. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 7721 |
| 23. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 7911 |
| 24. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652 |
| 25. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 5510 |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5621 |
| 27. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn hóa chất ngành y tế;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4669 |
| 28. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thực phẩm chức năng trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh; | 4722 |
| 29. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4653 |
| 31. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                   | 4752 |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                | 4759 |
| 33. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                               | 4761 |
| 34. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4764 |
| 35. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771 |
| 36. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4742 |
| 37. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7320 |
| 38. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết:<br>- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành y tế;                                                                                                                                                                                                                           | 7730 |
| 39. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2100 |
| 40. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3314 |
| 41. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành, bảo trì các mặt hàng công ty kinh doanh;<br>- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh,                                                                                                         | 8299 |
| 42. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) | 4659 |
| 43. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1811 |
| 44. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5630 |
| 45. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất hóa chất ngành y tế;                                                                                                                                                                                                                                                               | 2011 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 46. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; vật tư tiêu hao ngành y tế, Bán buôn máy, thiết bị y tế loại sử dụng trong gia đình như: máy đo huyết áp, máy trợ thính...</li> <li>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;</li> <li>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;</li> <li>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;</li> <li>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;</li> <li>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;</li> <li>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao;</li> <li>- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu;</li> </ul>                                                                                                                                       | 4649 |
| 47. | <p>Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán lẻ hoa, cây cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ dầu hỏa, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ máy ảnh, phim ảnh và vật liệu ảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> <li>- Bán lẻ xe đạp và phụ tùng trong các cửa hàng chuyên doanh;</li> </ul> | 4773 |
| 48. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5629 |
| 49. | <p>Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động tư vấn đầu tư;</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 6619 |
| 50. | <p>Bán buôn thực phẩm</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn thực phẩm chức năng;</li> <li>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt;</li> <li>- Bán buôn thủy sản;</li> <li>- Bán buôn rau, quả;</li> <li>- Bán buôn cà phê;</li> <li>- Bán buôn chè;</li> <li>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột.</li> <li>- Bán buôn trứng và sản phẩm từ trứng;</li> <li>- Bán buôn dầu, mỡ động thực vật;</li> <li>- Bán buôn hạt tiêu, gia vị khác;</li> <li>- Bán buôn thức ăn cho động vật cảnh.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                         | 4632 |
| 51. | <p>Bán mô tô, xe máy</p> <p>(Trừ hoạt động đầu giá tài sản)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4541 |

|     |                                                                                                                      |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 52. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp | 4711 |
| 53. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                       | 4774 |
| 54. | Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi                                                                            | 9511 |
| 55. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                     | 5610 |
| 56. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                            | 8230 |
| 57. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                               | 3313 |
| 58. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                       | 1410 |
| 59. | Hoạt động tư vấn quản lý                                                                                             | 7020 |
| 60. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn                                                     | 7220 |
| 61. | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật                                                   | 7210 |
| 62. | Quảng cáo                                                                                                            | 7310 |
| 63. | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                         | 7920 |
| 64. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết:<br>- Đại lý; môi giới                                                         | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: VƯƠNG SĨ LÂM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011643977

Ngày cấp: 29/11/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 63 phố Gia Quất, tổ 1, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 63 phố Gia Quất, tổ 1, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: VƯƠNG SĨ LÂM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/03/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 011643977

Ngày cấp: 29/11/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 63 phố Gia Quất, tổ 1, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 63 phố Gia Quất, tổ 1, Phường Thượng Thanh, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội